

Bản án số: 139/2023/HSST
Ngày: 14/11/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận,

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 130/2023/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2023/QĐXXST – HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Huỳnh Phúc H, sinh năm 1995, tại tỉnh Gia Lai.

Căn cước công dân: 064095011XXX cấp ngày 05/6/2022.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim P và bà Nguyễn Thị L; tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày XX/X/2015, H bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về Tội cướp giật tài sản. Đến ngày XX/XX/2016, H được đặc xá tha về, đã chấp hành xong toàn bộ Bản án.

- Ngày XX/X/2018, H bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về Tội cướp giật tài sản, với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”. Đến ngày XX/XX/2021 chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày XX/X/2023 cho đến nay, (có mặt).

- Bị hại:

1. Võ Thị T, sinh năm 1976, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đt, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Lê Thị Phương N, sinh năm 1967, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Hoàng Ngọc D, sinh năm 2002, (có mặt).

2. Dương Hoàng Việt T, sinh năm 1992, (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/5/2023, Huỳnh Phúc H mượn xe mô tô nhãn hiệu Vario và điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của chị Dương Hoàng Ngọc D (là người yêu của H) để đi công việc. Sau đó, H mang xe và điện thoại của chị D đi cầm lấy 20.000.000 đồng sử dụng vào việc cá nhân (trước khi đi cầm H đã gọi điện cho chị D, chị D đồng ý cho H cầm). Khoảng 19 giờ cùng ngày, chị D gọi điện thoại cho H đòi xe và điện thoại. Lúc này, H nhìn thấy xe mô tô biển số: 93L1-282.XX của bà Lê Thị Phương N đi đang dừng ở giữa chợ Bù Đăng thuộc khu Tân Hưng, TT. Đức Phong. H đi bộ đến xe mô tô biển số 93L1-282.XX và H ngồi lên xe bật chìa khóa đang cắm sẵn ở ổ khoá điện, nổ máy điều khiển xe chạy về hướng xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển số: 93L1-282.XX di chuyển trên đường Lê Quý Đôn thuộc thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng (theo hướng từ đường Quốc lộ 14 đi xã Đoàn Kết) đến đoạn Trường THPT Bù Đăng, H nhìn thấy chị Võ Thị T đang điều khiển xe mô tô biển số: 93L1-575.XX di chuyển cùng chiều phía trước, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng, nên H điều khiển xe đi theo. Khi đến khu vực ngã ba cầu sắt thuộc thôn 3, xã Đoàn Kết thì H điều khiển xe mô tô vượt lên áp sát bên trái xe chị T theo hướng đi, dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ chị T, rồi H điều khiển xe về hướng xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng. H vào tiệm vàng “Ngọc Dung” tại thôn 2, xã Minh Hưng do anh Nguyễn Anh T làm chủ mua 01 sợi dây chuyền vàng với giá 21.000.000 đồng. Mua xong, H về phòng trọ của mình tại thôn 3, xã Minh Hưng để cất giấu xe mô tô và sợi dây chuyền.

Sáng ngày 02/5/2023, chị D cùng với bố mẹ và anh trai là Dương Hoàng Việt T đến phòng trọ của H để đòi xe và điện thoại. H cùng gia đình chị D đi đến tiệm vàng “Ngọc D” để bán vàng. Khi H cầm 02 sợi dây chuyền vàng (01 do H mua, 01 do H cướp giật của chị T) vào bán, nhưng anh T không mua, nên H đi ra nhờ anh T vào bán vàng được 28.050.000đ. Sau đó, H cùng với anh T và chị D đi chuộc xe và điện thoại của chị D hết 21.000.000 đồng (trong đó anh T tự bỏ ra 50.000 đồng cho chẵn số tiền), 8.000.000 đồng còn lại từ việc bán vàng anh T đưa cho chị D. Đến 17 giờ cùng ngày, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bù Đăng bắt khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản, thu giữ tang vật là xe mô tô biển

số: 93L1-282.XX.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 28/KL-ĐG ngày 09/5/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, xác định: 01 xe mô tô biển số: 93L1-282.XX, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: Spdream, có giá trị tại thời điểm xảy ra tội phạm là 11.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 64/KLĐG-HĐĐGTS ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bù Đăng, xác định: 01 sợi dây chuyền dạng bi búng, loại vàng 18K (vàng 610), trọng lượng 04 chỉ 04 phân 04 ly có giá trị tại thời điểm xảy ra tội phạm là (3.500.000 đồng/ 01 chỉ vàng x 4.44 chỉ vàng) = 15.540.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã xử lý:

+ Trả lại 01 xe mô tô biển số: 93L1-282.XX cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Ngọc Diệp.

+ Trả lại 8.000.000 đồng (do chị D tự giao nộp) cho chị Võ Thị T.

+ Sợi dây chuyền vàng của chị T, sau khi mua anh T đã đem đi nấu (chế tác lại), nên không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường xong.

- Tại Cáo trạng số 133/CT –VKS.BĐ ngày 11/10/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Huỳnh Phúc H, về Tội cướp giật tài sản và Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm d, i, khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Phúc H phạm Tội cướp giật tài sản và Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Phúc H từ 04 đến 05 năm tù về Tội cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Phúc H từ 02 năm, 06 tháng đến 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội danh.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng

Bị cáo Huỳnh Phúc H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại: Yêu cầu bị cáo bồi thường bảy triệu đồng, còn hình phạt thì đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 19 giờ ngày 01/5/2023, Huỳnh Phúc H lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số: 93L1-282.XX có trị giá 11.000.000 đồng của bà Lê Thị Phương N tại khu Tân Hưng, TT. Đức Phong, huyện Bù Đăng và vào khoảng 20 giờ cùng ngày ngày 01/5/2023, H điều khiển xe mô tô của bà N đi cướp giật 01 sợi dây chuyền có giá trị 15.540.000 đồng của chị Võ Thị T tại khu vực ngã 3 cầu sắt thuộc thôn 3, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Huỳnh Phúc H đã phạm vào Tội cướp giật tài sản và Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm d, i, khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

i) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền để tiêu xài bị cáo đã có hành vi cướp giật tài sản và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về các tội xâm phạm sở hữu chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 01 xe mô tô biển số: 93L1-282.XX đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Ngọc Diệp là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng (do chị D tự giao nộp) cho chị Võ Thị T.

+ Sợi dây chuyền vàng của chị T, sau khi mua anh T đã đem đi nấu (chế tác lại), nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người bị hại chị Lê Ngọc Diệp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Võ Thị T số tiền 7.000.000 đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng

Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên có thể miễn hình phạt bổ sung.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Phúc H phạm Tội cướp giật tài sản và Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phúc H 04 năm tù (bốn năm tù) về Tội cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phúc H 03 năm tù (ba năm tù) về Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 tội danh là 07 năm tù (bảy năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho bị hại chị Võ Thị T.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Phúc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CQ CSĐT Công an h. BĐ;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh